

Tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam: thực trạng và kiến nghị

Chu Văn Tuấn¹

Nhận ngày 12 tháng 6 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 7 năm 2021.

Tóm tắt: Mục đích của bài viết này là làm rõ thực trạng các tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay để từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị đối với Đảng, Nhà nước về tôn giáo, công tác tôn giáo. Bài viết trình bày một cách khái quát thực trạng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, chỉ ra những đặc điểm nổi bật của tôn giáo, đời sống tôn giáo, trong đó nêu rõ những yếu tố, phương diện tích cực, tiêu cực của đời sống tôn giáo. Những đề xuất, kiến nghị của bài viết không chỉ góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập của đời sống tôn giáo, của chính sách, pháp luật về tôn giáo và công tác tôn giáo hiện hành, mà còn là những đề xuất, kiến nghị đối với việc cụ thể hoá, hiện thực hoá quan điểm của Đảng về tôn giáo trong Văn kiện Đại hội XIII vừa qua.

Từ khoá: Tôn giáo, tín ngưỡng, đời sống tôn giáo, chính sách, kiến nghị.

Phân loại ngành: Tôn giáo học

Abstract: This article aims to clarify the current situation of religions and religious life in Vietnam in order to make proposals and recommendations to the Party and State on religion and religion work. The author presents an overview of the current situation of belief and religion in Vietnam, points out the outstanding features of religion and religious life, in which the positive and negative factors and aspects of religious life are highlighted. The proposals and recommendations of the article not only contribute to overcoming the limitations and inadequacies of religious life, current policies and laws on religion and religious work, but it also suggests and recommends the concretisation and realisation of the Party's views on religion in the document of the 13th Congress.

Keywords: Religion, beliefs, religious life, policies, recommendations.

Subject classification: Religious Studies

¹ Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: chuantuan0207@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam có sự chuyển biến rõ rệt kể từ sau năm 1990. Hơn 30 năm qua, các tôn giáo ở Việt Nam đã không ngừng tăng lên về quy mô, cơ cấu tổ chức, số lượng tín đồ, cơ sở thờ tự, các hoạt động thuần tuý tôn giáo và các hoạt động xã hội. Cùng với đó, vai trò và ảnh hưởng của các tôn giáo đối với đời sống xã hội ngày càng rõ nét. Sự phát triển của các tôn giáo dẫn đến sự phong phú, đa dạng, sôi động trong đời sống tôn giáo của người dân và xã hội. Bên cạnh những yếu tố tích cực, đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cũng xuất hiện những yếu tố, xu hướng tiêu cực. Trước thực trạng đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, rất cần có những nghiên cứu mang tính chất khái quát, chỉ ra những đặc điểm nổi bật, những xu hướng vận động của đời sống tôn giáo để từ đó có những đề xuất, kiến nghị kịp thời về mặt chính sách.

Vừa qua, trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã đưa ra một số quan điểm quan trọng, có tính chất đột phá về tôn giáo, công tác tôn giáo, trong đó có quan điểm như: phê phán, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực của tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy các nguồn lực của tôn giáo cho sự phát triển đất nước v.v.. Để có thể cụ thể hoá, làm rõ những quan điểm nêu trên của Đảng, cần có sự nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận, thực tiễn của đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Đây chính là mục đích mà bài viết này hướng đến. Hơn nữa, trên cơ sở phân tích thực trạng đời sống tôn giáo hiện nay, bài viết cũng đưa ra những kiến nghị về việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo, nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo trong giai đoạn mới.

2. Khái lược về thực trạng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, Việt Nam có 16 tôn giáo² và 41 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức. Tổng số tín đồ tất cả các tôn giáo hiện nay ước chừng 27 triệu người³, trong đó đông nhất là Phật giáo với khoảng 14 triệu tín đồ, tiếp theo là Công giáo với khoảng trên 7 triệu tín đồ. Hiện nay, cũng có quan điểm cho rằng, có tới 95% người dân có niềm tin tôn giáo (bao gồm cả những người thờ cúng tổ tiên và các loại hình tín ngưỡng khác), chỉ có khoảng 5% người dân Việt Nam không tin theo tín ngưỡng, tôn giáo nào⁴. Trong số các tôn giáo đã được

² Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Islam giáo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ ân hiểu nghĩa, Tịnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam, Balamôn, Bahai, Minh sư đạo, Minh lý đạo, Phật giáo Hiểu Nghĩa Tà Lon, Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của chúa Jesu Kito (Mặc môn), Cơ đốc Phục lâm.

³ Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2019 thì tổng số tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay là 13,2 triệu người (chiếm 13,7% tổng dân số cả nước). Trong đó, số người theo Công giáo là đông nhất với 5,9 triệu người (chiếm 44,6% tổng số người theo tôn giáo và chiếm 6,1% tổng dân số cả nước). Tiếp theo, có 4,6 triệu người theo Phật giáo (chiếm 35% những người theo tôn giáo và chiếm 4,8% dân số cả nước). Tuy nhiên, trong bài viết này chúng tôi không sử dụng kết quả tổng điều tra dân số về tôn giáo năm 2019 mà vẫn sử dụng số liệu từ Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Dân vận Trung ương.

⁴ Hiện nay, số liệu về những người theo tôn giáo ở Việt Nam rất khác nhau, do chúng ta chưa có một cuộc điều tra nhân khẩu học tôn giáo trên phạm vi cả nước. Số liệu ở đây chúng tôi dựa vào “Báo cáo tự do tôn giáo quốc tế 2017 - Việt Nam”, <https://vn.usembassy.gov/vi/bao-cao-tu-do-ton-giao-quoc-te-2017/>. Báo cáo này đã đưa ra một quan điểm khác của Pew forum khi cho rằng, 70% người dân Việt Nam có tín ngưỡng, tôn giáo, chỉ gần 30% là không có tôn giáo, tín ngưỡng.

nhà nước công nhận, Phật giáo là tôn giáo có sự phát triển mạnh mẽ trên nhiều phương diện như: sự gia tăng số lượng tín đồ, sự phát triển các cơ sở thờ tự, cơ sở vật chất, sự tăng cường các hoạt động thuần túy tôn giáo và các hoạt động xã hội, sự tăng cường các hoạt động quốc tế và gia tăng vị thế quốc tế. Theo báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ 2012 - 2017 của Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thì hiện nay giáo hội có 53.941 vị tăng ni (Bắc tông có 38.629 vị; Nam tông Khơ-me có 8.574 vị, Nam tông Kinh có 1.754 vị; và 4.984 Khất sĩ). Cả nước có 18.466 ngôi tự viện; 63/63 tỉnh, thành phố đã thành lập Ban trị sự tỉnh/thành phố.

Công giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ lớn thứ hai sau Phật giáo, dù không có sự phát triển đột biến về mặt tín đồ nhưng những năm gần đây, Công giáo cũng tăng cường mở rộng phạm vi hoạt động, tăng cường xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự, gia tăng các hoạt động thuần túy cũng như các hoạt động xã hội, hoạt động quốc tế. Năm 2018, Giáo phận Hà Tĩnh (gồm Hà Tĩnh và Quảng Bình) được tách ra từ Giáo phận Vinh, nâng tổng số giáo phận của cả nước là 27 giáo phận. Hiện tại, Giáo hội Công giáo Việt Nam có 7 Đại chủng viện và 01 Học viện Công giáo được thành lập năm 2015.

Xét về mặt phát triển tín đồ, Tin Lành vẫn là tôn giáo có tốc độ tăng trưởng tín đồ nhanh nhất so với các tôn giáo khác ở Việt Nam. Tin Lành vẫn luôn chú trọng truyền giáo vào vùng dân tộc thiểu số, vào vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, đáng lưu ý là, trong tổng số tín đồ Tin Lành hiện nay ở Việt Nam, chiếm một tỷ lệ lớn là người dân tộc thiểu số. Hiện nay, Tin Lành còn phát triển mạnh trong các khu công nghiệp, trong đối tượng là công nhân, học sinh, sinh viên...

Cùng với quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế, nhiều hệ phái Tin Lành đã du nhập vào Việt Nam, tiêu biểu là các hệ phái Tin Lành từ Mỹ, Hàn Quốc, Đài Loan v.v.. Bên cạnh các hệ phái Tin Lành đã được công nhận về mặt tổ chức, vẫn còn khá nhiều các hệ phái Tin Lành chưa được công nhận và một bộ phận Tin Lành tư gia.

Islam giáo tiếp tục phát triển trong cộng đồng người Chăm, số lượng tín đồ không có biến chuyển nhiều trong những năm gần đây, chủ yếu là tăng tự nhiên, hiện nay số lượng tín đồ Islam của cả nước là vào khoảng 35.000 người, phân bố chủ yếu ở một số tỉnh như An Giang (khoảng 15.000 tín đồ), Tp. Hồ Chí Minh (khoảng 8.000 tín đồ), Tây Ninh (khoảng 4.300 tín đồ), Ninh Thuận (khoảng 3.000 tín đồ), Đồng Nai (khoảng 2.500 tín đồ), Bình Dương (khoảng hơn 500 tín đồ)⁵ v.v.. Các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ như: Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Tịnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam, Minh Lý đạo, Minh Sư đạo, Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn... cơ bản hoạt động ổn định. Các tôn giáo này tốc độ phát triển tín đồ không nhiều, ở một số tôn giáo, tín đồ không những không tăng mà còn có xu hướng giảm do lớp trẻ khô nhạt đạo hoặc chuyển sang theo tôn giáo khác. Một số tôn giáo như: Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam rất tích cực trong các hoạt động xã hội như hoạt động từ thiện xã hội, an sinh xã hội. Phật giáo Hoà Hảo có nhiều hoạt động nổi bật như xây cầu, làm đường giao thông, xây nhà tình nghĩa, thành lập đội xe chở bệnh nhân

⁵ Các số liệu trên đây dựa trên tài liệu của Ban Tôn giáo các tỉnh/thành phố: Tp. Hồ Chí Minh, An Giang, Tây Ninh, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bình Dương cung cấp và tư liệu khảo sát thực tế của tác giả năm 2019, 2020. Xem thêm các bài viết: Chu Văn Tuấn (2019) và Chu Văn Tuấn (2020).

miễn phí, nấu cơm phục vụ bệnh nhân nghèo v.v..

Ngoài ra, ở Việt Nam hiện nay còn có rất nhiều các hiện tượng tôn giáo mới như: Ngọc Phật Hồ Chí Minh, Thanh Hải Vô Thượng Sư, Long Hoa Di Lặc, v.v.. Tuy nhiên, trong số này có những hiện tượng phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo như hiện tượng Dương Văn Minh, Hội thánh Đức chúa trời Mẹ v.v.. Nói chung, việc ứng xử với các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay còn khá lúng túng, chưa có một quy định cụ thể, rõ ràng.

Bên cạnh sự đa dạng tôn giáo, Việt Nam còn có đời sống tín ngưỡng phong phú. Những năm qua, các loại hình tín ngưỡng nở rộ, thu hút một lượng rất lớn tín đồ như: tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần, tín ngưỡng thờ Hùng Vương, tín ngưỡng thờ Mẫu v.v.. Tuy nhiên, hoạt động của một số lễ hội tín ngưỡng và một số cơ sở tín ngưỡng hiện đang gây ra rất nhiều phức tạp, phản cảm: chuyện tranh cướp, đánh nhau ở Đền Trần, đền Gióng, chuyện đốt vàng mã tràn lan (có khi tiền mua vàng mã lên đến vài trăm triệu đồng) gây ô nhiễm môi trường v.v..

Nhìn một cách tổng thể, trong vòng hơn 30 năm qua, nhất là khoảng 15 năm gần đây, đời sống tôn giáo của Việt Nam cơ bản ổn định, các tôn giáo hoạt động theo Hiến chương, điều lệ đã được thông qua, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, ít xảy ra vụ việc xung đột, phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo⁶. Các tôn giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Công tác tôn giáo luôn được Đảng

và Nhà nước hết sức quan tâm, coi đây là một trong những công tác cần phải quan tâm hàng đầu nhằm chăm lo đến đời sống của đồng bào có đạo. Chính sách, pháp luật tôn giáo ngày càng được hoàn thiện hơn, được đánh dấu bằng việc ra đời Luật tín ngưỡng, tôn giáo (2016). Để đạt được những kết quả tốt đẹp của đời sống tôn giáo như hiện nay, phải khẳng định có sự cố gắng và quyết tâm rất lớn của Đảng, Nhà nước, thể hiện bằng việc đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng đối với tôn giáo và công tác tôn giáo. Chính vì vậy, có quan điểm cho rằng, thành tựu của đổi mới tôn giáo ở Việt Nam cũng rất to lớn, điều này càng rõ hơn nếu như so sánh đời sống tôn giáo hiện nay với giai đoạn trước Đổi mới (1986).

3. Một số đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, sự phát triển của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam có tính chất đột phá kể từ khi Đổi mới, nhất là sau năm 1990.

Có thể nói, chưa bao giờ đời sống tôn giáo ở Việt Nam có được sự phát triển như hiện nay. Nếu so sánh với thời điểm trước năm 1990 thì đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay có bước phát triển “một trời một vực”. Sau năm 1990, dưới tác động của nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau như: đời sống kinh tế, xã hội được nâng cao; chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước; sự giao lưu, hội nhập quốc tế được tăng cường v.v.. đã khiến cho các tôn giáo có sự phát triển trên nhiều phương diện. Đó là: sự phục hồi các tôn giáo, tổ chức tôn giáo đã tồn tại trước đây; các tôn giáo tăng cường

⁶ Tuy nhiên, vẫn có những vụ việc phức tạp như: vụ 42 Nhà Chung, Giáo xứ Thái Hà, các vụ xung đột ở Tây Nguyên năm 2001, 2004 và vụ xung đột năm 2011 ở Mường Nhé.

xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, truyền đạo, phát triển tín đồ, gia tăng các hoạt động xã hội như từ thiện, y tế, giáo dục... của các tôn giáo. Không thể không nói đến sự đột phá trên phương diện nhận thức quan phương và cả nhận thức khoa học về tín ngưỡng, tôn giáo. Chúng ta còn nhớ, trước Đổi mới, nhiều hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bị xem là mê tín, dị đoan, bị hạn chế, nhiều cơ sở thờ tự bị đóng cửa hoặc trưng dụng cho các công việc khác; các tôn giáo khi đó không thể hiện được vị trí, vai trò, ảnh hưởng xã hội như hiện nay.

Ngược lại với tình hình trước năm 1990, các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay đã và đang thể hiện được vai trò, ảnh hưởng xã hội ngày càng rõ nét. Các tôn giáo gia tăng các hoạt động xã hội (từ thiện, cứu trợ xã hội, an sinh xã hội, y tế, giáo dục...), không những thế, các tôn giáo còn tích cực tham gia vào các hoạt động chung như: phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, v.v.. Hơn thế, những ưu điểm của mô hình tôn giáo đã được xã hội thừa nhận và đánh giá cao như: mô hình giáo dục mầm non của các tôn giáo, nhất là Công giáo; mô hình cơ sở khám chữa bệnh từ thiện, mô hình chăm sóc các đối tượng yếu thế (người già, người tàn tật, trẻ em cô đơn v.v..), mô hình chăm sóc những người mắc bệnh hiểm nghèo (bệnh phong, bệnh AIDS...). Nhiều nơi có đông tín đồ tôn giáo là nơi ít xảy ra những tệ nạn xã hội, tỷ lệ tội phạm, tỷ lệ ly hôn... đều thấp hơn so với các khu vực khác.

Nguồn lực của các tôn giáo hàng năm dành cho lĩnh vực này là một con số không hề nhỏ. Theo Báo cáo tổng kết của Giáo

hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII (2012 - 2017), riêng công tác cứu trợ, từ thiện xã hội của Giáo hội đạt gần 7 nghìn tỷ đồng. Tức là khoảng 1.400 tỷ đồng mỗi năm (Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2017). Đối với Công giáo, những đóng góp cho hoạt động từ thiện, an sinh xã hội cũng rất ấn tượng. Chẳng hạn, Công giáo Tp. Hồ Chí Minh từ năm 2005 đến năm 2009 đã đóng góp số tiền khoảng 185 tỷ 907 triệu đồng, trong đó chi cho giáo dục là 89 tỷ 334 triệu đồng (*Công giáo và Dân tộc*, 2010, tr.27).

Tại Giáo phận Xuân Lộc, năm 2009, trong số 57 tỷ 800 triệu đồng quyên góp được cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội thì chi cho giáo dục 35 tỷ 711 triệu đồng (*Công giáo và Dân tộc*, 2009, tr.19). Năm 2010, tổ chức Caritas Việt Nam đã dành tới 10.725.009.976 đồng trong tổng chi 15.110.900.137 đồng cho các hoạt động từ thiện, nhân đạo (Văn phòng Caritas Việt Nam, 2010), trong đó chi cho giáo dục đào tạo 648.973.913 đồng (Chu Văn Tuấn, 2019). Phật giáo Hoà Hảo cũng là một tôn giáo làm rất tốt hoạt động từ thiện, an sinh xã hội. Số tiền mà Phật giáo Hoà Hảo huy động được cho các hoạt động này là rất lớn. Theo báo cáo của Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo nhiệm kỳ IV tại Đại hội nhiệm kỳ V (2019 - 2024), giá trị thực hiện hoạt động từ thiện qua các nhiệm kỳ thể hiện qua các con số sau: nhiệm kỳ I (1999 - 2004) là 22.342.267.729 đồng; nhiệm kỳ II (2004 - 2009) là 197.961.574.000 đồng; nhiệm kỳ III (2009 - 2014) là 514.143.363.271 đồng. Chỉ tính từ năm 2010 đến 2013, tín đồ

Phật giáo Hòa Hảo đã làm từ thiện xã hội với tổng số tiền 367,910 tỷ đồng; xây 4.485 căn nhà tình thương; 1.055 căn nhà đại đoàn kết; 64 căn nhà tình nghĩa; nâng cấp 486,3 km đường nhựa; sửa chữa, cất mới 549 cây cầu (Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, 2014). Đặc biệt trong nhiệm kỳ IV (2014 - 2019), hơn 2.000 tỷ đồng đã được huy động cho các hoạt động an sinh xã hội. Tại 17 tỉnh, thành phố, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đã sửa chữa, xây mới nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo với số tiền gần 341 tỷ đồng; sửa chữa, xây mới cầu nông thôn các loại với số tiền hơn 401 tỷ đồng; ủng hộ Quỹ Cây mùa xuân gần 61 tỷ đồng, bếp ăn tình thương hơn 482 tỷ đồng, Quỹ vì người nghèo gần 83 tỷ đồng, nhà thuốc thảo dược hơn 167 tỷ đồng; hỗ trợ bệnh nhân nghèo gần 228 tỷ đồng (Bùi Quốc Dũng, 2019).

Trong phạm vi khuôn khổ bài viết, chúng tôi không có điều kiện tổng hợp tất cả số liệu của tất cả các tôn giáo đóng góp cho hoạt động từ thiện xã hội, an sinh xã hội. Các tôn giáo khác như Tin Lành, Cao Đài, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam v.v.. cũng đóng góp không nhỏ cho hoạt động từ thiện, an sinh xã hội của cả nước. Chắc chắn, nếu như có số liệu của tất cả các tôn giáo được tổng hợp thì con số sẽ vô cùng ấn tượng. Chính vì vậy, chúng ta có cơ sở để khẳng định một cách chắc chắn rằng, tôn giáo là một nguồn lực có thể đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội.

Thứ hai, tính đa dạng của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Tổ chức Pew Forum đánh giá Việt Nam là quốc gia có mức đa dạng tôn giáo xếp hàng thứ ba trên thế giới. Nhiều quan điểm

cho rằng, Việt Nam giống như một “bảo tàng tôn giáo” khi hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới đều hiện diện. Mức độ đa dạng tôn giáo ở Việt Nam ngày càng tăng cùng với sự tăng trưởng của kinh tế và hội nhập quốc tế. Nếu như trước 1990, chúng ta chỉ có 6 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân thì hiện nay, nước ta đã có 16 tôn giáo và 41 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức. Con số này, chắc chắn sẽ còn tiếp tục tăng lên trong thời gian tới.

Sự phong phú, đa dạng của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam không chỉ ở chỗ có nhiều tôn giáo cùng tồn tại, mà còn có nhiều loại hình tôn giáo mới, nhiều loại hình tín ngưỡng tồn tại đan xen lẫn nhau; không chỉ có những tôn giáo mang tính hiện đại mới xuất hiện, mà còn có cả những tôn giáo truyền thống như Nho giáo, Đạo giáo vẫn chi phối niềm tin và thực hành của các cộng đồng tín đồ.

Không những vậy, bản thân nhiều tôn giáo cũng rất phong phú về hệ phái, chẳng hạn, Phật giáo, bên cạnh hệ phái Phật giáo Bắc tông, Phật giáo Nam tông, Phật giáo Khất sĩ, hiện giờ đã xuất hiện Phật giáo Tạng truyền... Hay trong bản thân Phật giáo Nam tông (trước đây chủ yếu là Nam tông Khy-me) bây giờ đã có cả Nam tông Kinh... Đạo Cao Đài cũng là một tôn giáo có nhiều hệ phái cùng tồn tại với 10 hệ phái và 01 pháp môn đã được công nhận.

Có thể thấy, sự đa dạng của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam không chỉ thể hiện ở đa dạng niềm tin, đa dạng trong cách thức thực hành, mà còn đa dạng trong các cộng đồng, nhóm tôn giáo từ cấp độ cá nhân, gia đình, làng, xã... toàn xã hội.

Thứ ba, tính biến đổi của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Trong khoảng 15 - 20 năm trở lại đây, các tôn giáo ở Việt Nam nói riêng, đời sống tôn giáo ở Việt Nam nói chung có sự biến đổi vô cùng mạnh mẽ. Sự biến đổi diễn ra trên nhiều khía cạnh, không chỉ biểu hiện ở sự thay đổi cấu trúc bên trong của các tôn giáo, như: biến đổi về niềm tin, thực hành, cộng đồng mà còn là sự biến đổi của nhân khẩu học tôn giáo, địa tôn giáo v.v.. Trước hết, chúng ta thấy do sự xuất hiện của nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo cùng với nhu cầu tâm linh của con người dẫn đến sự xuất hiện của nhiều đối tượng thiêng, đối tượng thờ cúng. Nhiều đối tượng thờ cúng trước đây chưa xuất hiện thì nay đã có, nhiều đối tượng được du nhập từ bên ngoài. Tiếp theo, cách thức mà các tín đồ, tổ chức tôn giáo thực hành cũng có nhiều sự biến đổi. Chức năng của các cơ sở thờ tự, không gian tôn giáo cũng có sự biến đổi. Nếu trước đây, không gian tại các cơ sở tôn giáo chủ yếu dành cho các sinh hoạt tôn giáo, thì nay trở thành nơi sinh hoạt cộng đồng, nhiều hoạt động mang tính chất xã hội cũng được đưa vào. Cùng với đó, các nhóm tôn giáo, hội đoàn, dòng tu, các đạo tràng v.v.. phát triển mạnh mẽ, có xu hướng hoạt động độc lập, thậm chí có xu hướng tách ra khỏi giáo hội để tự hoạt động khá nhiều. Nhiều nhóm (Phật giáo) tự mời các tu sỹ nước ngoài về để giảng pháp mang tính chất tự phát.

Thứ tư, tính phức tạp của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Đi cùng với tính đa dạng, tính biến đổi, đời sống tôn giáo ở Việt Nam luôn tiềm ẩn tính phức tạp. Tính phức tạp của đời sống

tôn giáo ở Việt Nam thể hiện ở chỗ: mặc dù không có những cuộc xung đột hay chiến tranh tôn giáo như một số quốc gia trên thế giới, nhưng việc lợi dụng tôn giáo để chống Đảng, Nhà nước, kích động biểu tình, tụ tập đông người... vẫn có lúc xảy ra gây nên sự mất ổn định đời sống xã hội ở một số địa phương, khu vực, nhất là khu vực miền núi phía Bắc, khu vực Tây Nguyên và khu vực Tây Nam Bộ. Do nhiều nguyên nhân khác nhau như nguyên nhân lịch sử, nguyên nhân chính trị... một số phần tử cực đoan trong các tôn giáo liên kết với nhau, liên kết với các phần tử phản động ở nước ngoài thành lập các tổ chức, hội, nhóm trái pháp luật mang danh nghĩa tôn giáo, luôn chờ cơ hội để hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ dân tộc, tôn giáo, phá hoại đoàn kết xã hội, tạo ra các điểm nóng tôn giáo. Vấn đề “Vương quốc Mông”, “Tin lành Đèga”, “Nhà nước Đèga”, vấn đề tôn giáo tộc người, tôn giáo xuyên biên giới... luôn là những vấn đề nóng, là mũi nhọn của các lực lượng phản động nhằm chống phá Đảng, Nhà nước, do đó những vấn đề này luôn tiềm ẩn những nguy cơ phức tạp. Bên cạnh đó, các vụ việc phức tạp như tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, những vi phạm trong xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự, những mâu thuẫn trong nội bộ một số tôn giáo, những tác động tiêu cực do một số hiện tượng tôn giáo mới... vẫn thường xuyên xảy ra gây mất ổn định an ninh trật tự và gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý nhà nước.

Ngoài ra, nhiều loại hình tôn giáo, tín ngưỡng mới xuất hiện gây khó khăn cho công tác quản lý, ảnh hưởng xấu đến đời sống

xã hội... Những loại hình tín ngưỡng, tôn giáo này phần nhiều chưa thật sự hoàn thiện về giáo lý, hệ thống tổ chức và hoạt động, do vậy gây ra những phức tạp, lộn xộn trong sinh hoạt tôn giáo, ảnh hưởng đến trật tự, ổn định xã hội. Không những thế, do chưa được công nhận, nên những loại hình này dễ vi phạm các quy định của pháp luật, cũng dễ bị lợi dụng. Việc ứng xử với loại hình tôn giáo mới ở Việt Nam của các cơ quan quản lý nhà nước còn khá lúng túng, chưa có sự thống nhất ở các địa phương trong cả nước.

Thứ năm, tính thực dụng trong thực hành tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận tín đồ.

Bên cạnh những yếu tố tích cực như đã đề cập ở trên, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cũng đang xuất hiện nhiều biểu hiện tiêu cực như: xu hướng mê tín, thương mại hoá (trục lợi, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thu lợi...) đang phát triển mạnh, văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo có phần bị suy thoái. Điều đó thể hiện ở niềm tin, nhận thức và hành vi thực hành tín ngưỡng, tôn giáo của tín đồ, người dân có biểu hiện lệch lạc, mù quáng thậm chí cuồng tín. Văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo trên một số phương diện có sự suy thoái. Những năm gần đây, báo chí, các phương tiện thông tin, truyền thông phản ánh nhiều về các hiện tượng phản cảm thường xuyên diễn ra trong các lễ hội, cơ sở thờ tự. Chẳng hạn, các hiện tượng tranh cướp, đánh nhau để giành giật đồ lễ, nhét tiền lễ vào tay Phật, ăn mặc phản cảm, hành xử thiếu văn hoá khi đến các không gian thiêng, cầu xin những điều mang tính thực dụng, thậm chí

cầu xin thần thánh hại người khác nhằm cầu lợi cho mình... những điều đó khiến cho chúng ta không khỏi lo lắng về sự suy thoái của văn hoá, về sự suy giảm tính thiêng trong các không gian thiêng.

Cùng với đó, sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận nhà tu hành, như: lối sống hưởng thụ, ăn chơi, thậm chí sa vào các tệ nạn xã hội đã được các phương tiện thông tin truyền thông phản ánh thời gian qua cho thấy đây là điều rất đáng suy nghĩ hiện nay. Mặc dù đây là một bộ phận rất nhỏ, nhưng cũng làm suy giảm niềm tin xã hội đối với tôn giáo. Nhiều người còn lo lắng rằng, một khi con người không còn biết sợ thần thánh, thậm chí còn lấy đó làm công cụ, phương tiện để trục lợi thì đây là dấu hiệu đáng báo động về sự suy thoái của đạo đức xã hội và điều này cũng có thể trở thành căn nguyên của nhiều vấn đề xã hội khác. Do vậy, nếu không kịp thời chấn chỉnh, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng, đời sống văn hoá nói chung sẽ suy thoái, đạo đức xã hội sẽ có thể rơi vào khủng hoảng, sự phát triển xã hội nói chung cũng bị ảnh hưởng không nhỏ.

Hiện nay, xu hướng dựa vào tín ngưỡng, tôn giáo để thu hút du lịch, làm kinh tế v.v.. trở nên rõ nét hơn. Đây là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh hiện nay, và nếu làm tốt việc này thì vừa có thể bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng, tôn giáo, vừa phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, nếu chỉ chú trọng đến khía cạnh kinh tế, mà không chú ý đến xây dựng không gian tâm linh, không giữ gìn, phát huy giá trị của văn hoá tín ngưỡng, văn hoá tôn giáo... (mà theo tôi, đây mới là yếu tố cốt lõi, cần phải chú trọng

đến điều này trước khi tính đến việc mang lại lợi ích kinh tế) thì chắc chắn sẽ để lại nhiều hệ lụy cho xã hội.

Những vấn đề được trình bày và phân tích trên đây cho thấy, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam đang có xu hướng vận động theo nhu cầu thị trường, theo quy luật cung cầu, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Đây chính là tính chất thực dụng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Chúng tôi cho rằng, tính chất thực dụng này là hệ quả mang tính tất yếu của sự phát triển của xã hội, nhưng điều này cũng cho thấy, chưa có sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách sự thiếu điều chỉnh hoặc chưa kịp thời điều chỉnh của chính sách. Nói cách khác, chính sách chưa bắt kịp với những biến đổi của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo thời gian qua, khiến cho đời sống tôn giáo đang thiếu những định hướng và điều chỉnh.

Có thể thấy, văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo có khía cạnh đang bị suy thoái nghiêm trọng. Đây chính là xu hướng mê tín hoá đang phát triển mạnh trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, còn có xu hướng thực dụng hoá niềm tin và thực hành tôn giáo. Thay vì đi đến các không gian thờ cúng để cầu bình an, sức khoẻ, thanh tịnh tâm hồn, tìm hiểu, học hỏi những điều tốt đẹp từ văn hoá, tín ngưỡng truyền thống thì người ta đến nhằm mục đích cầu lộc, cầu tài, cầu công danh, thậm chí là cầu hại người khác. Những hiện tượng này đang gây bức xúc rất lớn trong dư luận, nếu không được quan tâm chấn chỉnh sẽ gây nên những sự việc phức tạp, ảnh hưởng đến xã hội.

4. Những đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước về chính sách, pháp luật tôn giáo

Từ thực trạng đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam như đã khái quát ở trên, để tiếp tục ổn định đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, đảm bảo tốt hơn nữa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, phát huy những khía cạnh tích cực, khắc phục những mặt còn hạn chế của đời sống tôn giáo, hướng đến xây dựng xã hội đoàn kết, phát triển trong bối cảnh mới, đặc biệt là phát huy các nguồn lực tôn giáo như tinh thần quan điểm của Đảng về tôn giáo trong Văn kiện Đại hội XIII, chúng tôi cho rằng, cần phải tiếp tục có những đổi mới, thậm chí là đột phá trong nhận thức, quan điểm, chính sách... đối với tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tôn giáo nói chung, công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo nói riêng.

Thứ nhất, một trong những điều quan trọng đầu tiên là cần tiếp tục đổi mới quan điểm, nhận thức về tôn giáo, công tác tôn giáo để từ đó đưa ra những chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật đúng đắn, phù hợp với thực tiễn, phù hợp với bối cảnh mới, với sự vận động, biến đổi của bản thân tôn giáo. Một trong những điểm cần đổi mới đó là xem trọng tâm, cốt lõi của công tác tôn giáo trong bối cảnh hiện nay không chỉ là *công tác vận động quần chúng* mà còn là *bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đồng thời chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người có đạo*. Mỗi một giai đoạn, mỗi một điều kiện hoàn cảnh khác nhau, trọng tâm, cốt lõi của công tác tôn giáo cũng cần được xem xét, điều chỉnh

cho phù hợp với thực tế khách quan. Trong bối cảnh hiện nay, để phát huy được vai trò, sự đóng góp của các tôn giáo thì điều không kém phần quan trọng của công tác tôn giáo theo chúng tôi đó là *quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ các tổ chức tôn giáo, tín đồ các tôn giáo, đảm bảo cho họ hoạt động ổn định*, theo đúng hiến chương và pháp luật của Nhà nước.

Tiếp theo, cần quán triệt phương châm không nên nhìn nhận tôn giáo như là “đối tượng” mà cần xem tôn giáo như là các “đối tác”. Tư duy, cách nhìn nhận tôn giáo như là đối tượng vẫn còn trong một bộ phận không nhỏ cán bộ làm công tác tôn giáo. Tư duy, cách nhìn này dẫn đến cách ứng xử chuyên quyền, cơ chế xin - cho, mệnh lệnh hành chính, đôi khi cứng nhắc. Trong ứng xử với tôn giáo, tránh tư duy mệnh lệnh, áp đặt, cứng nhắc, nguyên tắc. Ngược lại, cần dựa trên nguyên tắc thấu hiểu, chia sẻ, vận động, thuyết phục, hỗ trợ, giúp đỡ mới có thể đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ hai, cần tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo, hướng đến việc xây dựng chính sách công về tôn giáo. Trước hết, cần có nghiên cứu, đánh giá, tổng kết những kết quả, những hạn chế bất cập của Luật tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay để kịp thời bổ sung, điều chỉnh. Tiếp theo, cần rà soát các luật, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để điều chỉnh cho thống nhất với Luật Tín ngưỡng, tôn giáo như Luật Đất đai, Luật Y tế, Luật Xây dựng v.v.. Để đưa ra quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật tôn giáo đúng đắn, phù hợp cần có sự thống nhất của 3 khu vực nhận thức

là: *nhận thức quan phương, nhận thức khoa học và nhận thức tôn giáo.* Nói cách khác, cần chú trọng tham khảo ý kiến của giới nghiên cứu lý luận về tôn giáo cũng như ý kiến của các tổ chức tôn giáo trong xây dựng, hoạch định các chủ trương, đường lối, chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ ba, kiến nghị về việc nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật tôn giáo. Một trong những hạn chế hiện nay chính là việc thực thi chính sách, pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo mà một trong những nguyên nhân căn bản xuất phát từ đội ngũ cán bộ làm công tác này, nhất là sự yếu kém của đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở cấp cơ sở, vì vậy, cần có chính sách bồi dưỡng, đào tạo và đãi ngộ cho phù hợp. Đồng thời, cần quyết liệt cải tổ bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, cải tổ việc thực thi chính sách, pháp luật tôn giáo hiện nay. Văn kiện Đại hội XII và XIII của Đảng đều chỉ ra hạn chế này.

Trước hết, cải tổ cơ cấu tổ chức, bộ máy. Cơ cấu tổ chức của hệ thống quản lý nhà nước về tôn giáo hiện nay chưa phù hợp, thiếu hiệu quả, cần có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn. Tiếp theo, *nâng cao trình độ và thay đổi cơ cấu đội ngũ cán bộ.* Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước ở cấp quận, huyện, phường, xã, hiện nay có trình độ chưa đáp ứng được yêu cầu, cơ cấu chưa hợp lý. Bên cạnh đó, cần *thay đổi tư duy quản lý, cách thức quản lý.* Nhà nước cần có sự thay đổi mạnh mẽ hơn nữa, cần thay cách quản lý/tư duy quản lý theo cơ chế xin - cho, bằng cơ chế hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra, giám sát và khen thưởng,

kỷ luật. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) đã khắc phục được một phần vấn đề này, tuy nhiên cần phải tiếp tục thay đổi một cách triệt để hơn.

Cần suy nghĩ về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Ban Tôn giáo các cấp. Theo chúng tôi, Ban Tôn giáo nên có các chức năng, nhiệm vụ chính: (1) quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo; (2) hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo; (3) đảm bảo quyền tự do, tín ngưỡng tôn giáo. Cần lưu ý, đối tượng của quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo là “hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo” chứ không phải bất kỳ điều gì thuộc về tôn giáo cũng là đối tượng của quản lý nhà nước. Thế nhưng trong thực tế hiện nay vẫn diễn ra sự nhầm lẫn như vậy, điều này đã khiến cho tổ chức tôn giáo hiểu rằng, cơ quan quản lý nhà nước đã “can thiệp” quá sâu vào nội bộ của họ. Trong khi đó, Đảng, Nhà nước xác định nguyên tắc của nhà nước thế tục trong quan hệ giữa Nhà nước với tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đó là tôn giáo không tham gia chính trị, Nhà nước không can thiệp vào công việc nội bộ của tôn giáo.

Thứ tư, kiến nghị về việc tăng cường thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về tôn giáo, tín ngưỡng, chính sách, pháp luật tôn giáo cho mọi người dân. Bởi lẽ, nhận thức chung của xã hội về tín ngưỡng, tôn giáo còn rất hạn chế. Không những không hiểu biết về giáo lý, giáo luật của các tôn giáo, mà nhiều người còn không hiểu các hoạt động của các tôn giáo, những đóng góp của các tôn giáo. Sự hiểu biết của tín đồ các tôn giáo đối với chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà

nước vẫn còn hạn chế. Vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo. Đây là việc làm kịp thời của Chính phủ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo. Tuy nhiên, cần phải được triển khai một cách hiệu quả, bài bản, đồng bộ đề án mới phát huy hiệu quả.

Để tăng cường thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo và chủ trương, chính sách, pháp luật tôn giáo của Đảng, Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội thì cần xem xét việc có thể có một kênh thông tin, truyền thông, hay chuyên mục định kỳ trên các báo, đài truyền thanh, truyền hình... để thực hiện việc này.

Thứ năm, kiến nghị về việc kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong đời sống tôn giáo, những hoạt động lợi dụng tôn giáo... trong thời gian qua. Những năm vừa qua, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo hết sức phong phú, đa dạng, có nhiều phương diện tích cực. Nhưng bên cạnh đó, xuất hiện rất nhiều hiện tượng phản cảm, lệch lạc, có dấu hiệu trục lợi, thương mại hoá, thậm chí vi phạm pháp luật như báo chí liên tục phản ánh thời gian gần đây. Nếu Nhà nước không kịp thời chấn chỉnh, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo sẽ trở nên mê tín hoá, tác động xấu đến nhận thức chung, văn hoá, văn minh xã hội. Đây cũng là yêu cầu mà Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nêu ra “Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.144).

Cần phải có cơ chế, biện pháp xử lý nghiêm đối với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi; tránh thương mại

hoá tôn giáo; xây dựng văn hoá tôn giáo lành mạnh, xây dựng không gian tín ngưỡng, tôn giáo thành nơi trang nghiêm, nơi bảo tồn, lưu giữ những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc; không gian tín ngưỡng, tôn giáo phải là nơi thức tỉnh con người từ bỏ những điều xấu, điều ác, hướng đến những điều thiện, là nơi con người được học hỏi, nuôi dưỡng, khởi phát những giá trị tốt đẹp, giá trị nhân bản, là nơi con người được gặp gỡ, được hướng dẫn bởi những nhà tu hành chân chính, là những tấm gương sáng về đạo hạnh, trí tuệ. Không gian tín ngưỡng, tôn giáo không phải là nơi để kiếm tìm lợi ích vật chất, công danh, càng không phải là nơi tìm kiếm cách hại người.

Thứ sáu, kiến nghị về việc ứng xử công bằng với các tổ chức tôn giáo. Trong thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, ở một số địa phương, một số cơ quan đã có sự ứng xử chưa thật sự công bằng với tất cả các tôn giáo. Tuy việc này chưa xảy ra những vụ việc phức tạp, nhưng về lâu dài có thể tiềm ẩn những nguy cơ mâu thuẫn, xung đột. Việc ứng xử công bằng với các tôn giáo cần thực hiện trên các phương diện đồng đều nhau, tôn giáo này được ứng xử như thế này, các tôn giáo khác cũng được ứng xử như vậy. Việc ưu ái một tôn giáo nào đó sẽ dễ khiến cho tôn giáo đó nảy sinh tiêu cực và điều đó có thể gây nên những mâu thuẫn, thậm chí là xung đột giữa các tôn giáo với nhau và giữa tôn giáo với chính quyền. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần lưu ý đối xử công bằng giữa các tôn giáo, tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân và những tôn giáo, tổ chức tôn

giáo chưa được công nhận. Việc ứng xử công bằng với các tôn giáo cũng chính là tiếp tục duy trì, củng cố nguyên tắc của nhà nước thế tục: tôn giáo và chính trị tách rời; tôn giáo không tham gia vào chính trị, các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Đây là nguyên tắc nhất quán mà Đảng đã lựa chọn và nhất quán thực hiện từ trước đến nay. Đồng thời, đây là nguyên tắc cơ bản, quan trọng để ổn định đời sống tôn giáo trong môi trường đa dạng tôn giáo như ở Việt Nam.

Thứ bảy, kiến nghị về việc điều chỉnh chính sách liên quan đến hoạt động từ thiện xã hội, an sinh xã hội của các tôn giáo. Chúng tôi cho rằng, các tôn giáo không chỉ làm tốt hoạt động từ thiện xã hội, mà còn có thể cung cấp các dịch vụ xã hội, tức là có thể tham gia vào công tác an sinh xã hội. Đây là vấn đề quan trọng, liên quan đến nhiều chính sách, pháp luật của nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, xây dựng luận cứ, cơ sở khoa học vững chắc. Trong lĩnh vực giáo dục, nên cho phép các tôn giáo tham gia ở các cấp cao hơn mầm non hiện nay; trong lĩnh vực y tế, cũng nên mở rộng phạm vi hoạt động của các tôn giáo như phòng khám như hiện nay v.v.. Chúng tôi cho rằng, việc cho phép các tôn giáo tham gia nhiều hơn trong lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội... chính là phát huy nguồn lực tôn giáo theo tinh thần Chỉ thị 18-CT/TW ngày 10 tháng 1 năm 2018 của Bộ Chính trị cũng như quan điểm của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII. Sẽ là một sự lãng phí lớn nếu không khai thác, phát huy nguồn lực tôn giáo cho sự phát triển bền vững đất nước.

Thứ tám, kiến nghị Đảng, Nhà nước, từ trung ương đến địa phương cần tăng cường xây dựng mối quan hệ gắn bó, gần gũi, với các tổ chức tôn giáo nhằm tăng cường sự chia sẻ, hiểu biết lẫn nhau; các cơ quan trong hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương cần tạo ra các diễn đàn, không gian để các tôn giáo có thể gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi, giao lưu với nhau và trao đổi với Nhà nước nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. Đây là cách làm hay mà một số địa phương đã thực hiện. Qua tổng kết bước đầu, chúng tôi nhận thấy, địa phương nào làm tốt việc này, địa phương đó tình hình tôn giáo ổn định, các tôn giáo gắn bó, đồng hành với chính quyền, tích cực tham gia các phong trào do địa phương phát động, phát huy tốt giá trị, vai trò trong xây dựng, phát triển xã hội. Ngược lại, địa phương nào không làm tốt việc này, thì địa phương đó dễ xảy ra các vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo.

Việc tăng cường mối quan hệ giao lưu, chia sẻ giữa các tôn giáo với nhau và giữa các tôn giáo với chính quyền chính là nhằm xây dựng đoàn kết tôn giáo, đoàn kết xã hội. Đây cũng là phương pháp ngăn chặn, phòng ngừa mâu thuẫn, xung đột trong lĩnh vực tôn giáo. Cho dù ở Việt Nam hiện nay không có xung đột giữa các tôn giáo nhưng việc phòng, tránh, ngăn ngừa xung đột này vẫn luôn luôn phải chú ý. Bởi trong môi trường hết sức đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, cùng với sự mở rộng giao lưu quốc tế khiến cho thời gian tới, môi trường tôn giáo ở Việt Nam lại càng đa dạng

hơn nữa, điều này kéo theo nguy cơ xung đột tôn giáo.

5. Kết luận

Có thể thấy, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay hết sức phong phú, đa dạng và sẽ ngày càng đa dạng hơn trong thời gian tới. Bên cạnh những mặt tích cực, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam đã và đang tồn tại một số hạn chế như: xu hướng mê tín hoá, xu hướng thương mại hoá, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi; những biểu hiện lệch lạc, phản cảm... đang khá phổ biến làm biến dạng không gian tôn giáo, biến dạng lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo, làm mất đi vẻ đẹp, giá trị văn hoá của tín ngưỡng, tôn giáo.

Chính sách, pháp luật tôn giáo dù đã được hoàn thiện một cách cơ bản, tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề của đời sống tôn giáo mà Luật Tín ngưỡng, tôn giáo hiện hành chưa giải quyết hết được. Do vậy, cần tiếp tục rà soát, bổ sung, chỉnh sửa pháp luật tôn giáo cho phù hợp với thực tiễn. Đặc biệt, trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, trước yêu cầu, nhiệm vụ và bối cảnh trong nước, quốc tế, quan điểm, chính sách, pháp luật tôn giáo ở Việt Nam cần phải tiếp tục đổi mới và hoàn thiện.

Một trong những việc cần làm ngay đó là cụ thể hoá, hiện thực hoá các quan điểm mang tính đột phá của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo trong Văn kiện Đại hội XIII, nhằm góp phần khắc phục những hạn chế như đã nêu trên, đặc biệt là phát huy các nguồn lực của tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1680, tháng 10/2009.
2. Báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1773, tháng 9/2010.
3. Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (2014), “Báo cáo hoạt động đạo sự Phật giáo Hòa Hảo nhiệm kỳ III (2009 - 2014)”.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2017), “Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) và chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017 - 2022)”.
7. Chu Văn Tuấn (2016), “Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
8. Chu Văn Tuấn (2019a), “Cộng đồng Chăm Islam ở tỉnh Ninh Thuận hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8.
9. Chu Văn Tuấn (chủ nhiệm) (2019b), “Đời sống tôn giáo ở Việt Nam từ năm 1990 đến nay”, Đề tài độc lập cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
10. Chu Văn Tuấn (2020), “Thực trạng cộng đồng Chăm Islam ở Tây Ninh và Bình Phước hiện nay”, Tạp chí *Công tác Tôn giáo*, số 1+2.
11. Chu Văn Tuấn (2021), “Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
12. Văn phòng Caritas Việt Nam (2010), Báo cáo “Tổng kết năm 2010 và chương trình hành động năm 2011 của Ủy ban bác ái xã hội - Caritas Việt Nam”.
13. Bùi Quốc Dũng (2019), “Đại hội Đại biểu tín đồ Phật giáo Hòa Hảo cấp toàn đạo lần thứ V”, <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/40439002-dai-hoi-dai-bieu-tin-do-phat-giao-hoa-hao-cap-toan-dao-lan-thu-v.html>; truy cập ngày 22 tháng 6 năm 2020

